TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HTN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm;

2. Ông Dương Hồng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Duy Khánh là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 23/10/2021 về việc "Tranh chấp đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1965.

Bà Vũ Thị Tú Nh - sinh năm 1975.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhi: ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1965 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2024).

Cùng địa chỉ: khu phố LV, thị trấn TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn HT, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đăng T - sinh năm 1962.

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: thôn VK, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông Nguyễn Văn Tr; vắng mặt ông Nguyễn Văn C; bà Vũ Thị Tú Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Đăng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Vào tháng 01/2018, vợ chồng ông có nhận sang nhượng thửa đất của ông Nguyễn Đăng T - sinh năm: 1962, trú tại thôn VK, xã TT, huyện HTN, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BĐ 244128, số vào sổ:CH 01220 ngày cấp 04/3/2011 tờ bản đồ số: 00. Diện tích: 12.782 m^2. Thửa đất tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận, toàn bộ diện tích đất sang nhượng được trồng cây bạch đàn, có bờ thể hiện ranh đất rõ ràng. Từ khi mua đất đến nay gia đình ông đã thu hoạch cây bạch đàn trên đất được 03 lần. Sau thời gian canh tác trên đất thì ngày 20/4/2021 ông Nguyễn Văn C có hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông với diện tích khoảng hơn 2.000 m^2. Nhiều lần vợ chồng ông ngăn cản cũng như báo chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng ông Cương vẫn ngang nhiên lấn chiếm đất của gia đình ông.

Do lúc khi làm đơn khởi kiện vợ chồng ông không biết diện tích đất tranh chấp chính xác là bao nhiêu. Hiện nay đã có diện tích chính xác, vợ chồng ông chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả lại diện tích 2.134,3m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN mà vợ chồng ông đã mua của ông Nguyễn Đăng T vào năm 2018.

Đối với 700 gốc bạch đàn tái sinh được trồng từ năm 2009 (trong đó có khoảng 100 gốc cây bị cháy xém) nằm trên diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định ngày 01/6/2022 vợ chồng ông không yêu cầu định giá và cũng không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 12.782m^2 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Đăng T vào ngày 04/3/2011, sau đó ông T bán cho ông Nguyễn Văn Tr vào năm 2018 là do cha ông là Nguyễn Văn Đ khai hoang vào khoảng năm 1990 để trồng lúa và mỳ. Sau đó cha ông cho ông diện tích đất khoảng 4.000 - 5.000 m^2, vì đất chưa có sổ, cha ông chỉ nói cho từ gốc keo này đến ụ mối kia thôi. Trước khi cho ông đất diện tích đất đang được cha ông trồng lúa và mỳ nhưng từ khi mẹ ông bị bệnh vào khoảng năm 2010 thì bỏ hoang vì không có người làm. Diện tích đất mà ông Nguyễn Đăng T được cấp giấy CNQSD đất vào năm 2011 là đất do cha ông khai hoang sau đó cho 01 người ở thôn HH (tôi không biết tên), sau đó người này bán cho ông T, nhưng cha ông chỉ cho khoảng diện tích 10.000 m^2 (chỉ cho từ phần ụ mối trở về phía biển). Khi ông thuê máy múc vào để múc cây rừng, san lấp mặt bằng thì gặp sự ngăn cản ông Nguyễn Văn Tr, sau đó khi UBND xã hòa giải ông mới biết diện tích đất mà cha ông cho ông đã được cấp sổ đỏ cho người khác. Nay vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr khởi kiện đòi lại diện tích đất nói trên thì ông không đồng ý vì diện tích đất nói trên là của cha ông cho ông vào năm 2019. Ông C sẽ thu thập bằng

chứng để chứng minh diện tích đất tranh chấp nói trên là do cha ông khai phá vào khoảng năm 1990.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng T trình bày:*

Ông không biết nguồn gốc đất tranh chấp nói trên như thế nào, tôi đã mua diện tích đất nói trên của ông Đinh Như Kh vào năm 2011. Khi ông mua diện tích đất nói trên thì đất đã được cấp giấy CNQSD đất cho ông Kh, sau khi ông mua thì chuyển sang tên ông vào ngày 04/3/2011. Ông quản lý và sử dụng đến năm 2018 thì chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Tr theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay xảy ra tranh chấp giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Văn C thì ông không biết.

Trong vụ án, ngoài yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr thì bị đơn không yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn Tr giữ nguyên các ý kiến trình bày trước đây, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn C không được cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật; các đương sự chấp hành tốt quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.134,3 m^2 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 theo Giấy chứng nhận số BĐ 244128 ngày 04/3/2011 đứng tên ông Nguyễn Đăng T đã đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Văn Tr ngày 23/01/2018 thuộc thôn HH, xã TN, huyện HTN là của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích 2.134,3 m^2 đất tranh chấp; không được lấn chiếm, gây cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp đất đai" theo quy định tại khoản 9 và khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tú Nh vắng mặt nhưng có người đại diện là ông Nguyễn Văn Tr tham gia phiên tòa; ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị Hoàng Y vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, do không biết diện tích đất tranh chấp cụ thể là bao nhiêu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại khoảng 2.000 m^2. Sau khi đo đạc có diện tích chính xác, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả lại diện tích 2.134,3m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 theo Giấy chứng nhận số BĐ 244128 ngày 04/3/2011 tọa lạc tại thôn Hiệp Hòa, xã TN, huyện HTN mà vợ chồng ông đã mua của ông Nguyễn Đăng T vào năm 2018.

Đối với tài sản trên đất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Trong vụ án, vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Văn C đều cho rằng diện tích 2.134,3m^2 (đất tranh chấp) nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình thì họ phải có nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, ông Nguyễn Văn C cho rằng diện tích đất tranh chấp 2.134,3m^2 nói trên là do cha ông là Nguyễn Văn Đ khai hoang vào khoảng năm 1990 để trồng lúa và mỳ. Sau đó cha ông đã cho ông diện tích đất khoảng 4.000 - 5.000 m^2, vì đất chưa có sổ, cha ông chỉ nói cho từ gốc keo này đến ụ mối kia. Trước khi cho ông đất diện tích đất đang được cha ông trồng lúa và mỳ nhưng từ khi mẹ ông bị bệnh vào khoảng năm 2010 thì bỏ hoang vì không có người làm. Diện tích đất mà ông Nguyễn Đăng T được cấp giấy CNQSD đất vào năm 2011, sau đó ông Tẳng bán lại cho ông Triều vào năm 2018 là đất do cha ông khai hoang sau đó cho 01 người ở thôn HH, sau đó người này bán cho ông T, nhưng cha ông chỉ cho khoảng diện tích 10.000 m^2 (chỉ cho từ phần ụ mối trở về phía biển). Vào năm 2021 ông thuê máy vào để múc cây rừng diện tích đất mà cha ông cho thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr. Tuy nhiên, ngoài lời khai ra thì ông Nguyễn Văn C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của mình. Hơn nữa, mặc dù có thể diện tích đất tranh chấp trước kia do ông Nguyễn Văn Đ khai hoang từ những năm 1990 nhưng nếu không được canh tác, sử dụng liên tục mà bỏ hoang từ 02 năm trở lên thì người khác có quyền phục hóa để canh tác, trồng trọt và sau đó được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng quy định. Do vậy không có căn cứ để công nhận diện tích đất tranh chấp nói trên là của ông Nguyễn Văn Đ cho ông Nguyễn Văn C vào năm 2019.

Hơn nữa, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sở hữu của mình.

Tại văn bản số 1065/UBND-TNMT ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện HTN khẳng định diện tích 2.733,9m^2 đất tranh chấp, trong đó có 2.134,3m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 với diện tích 12.4782 m^2, địa chỉ tại thôn HH, xã TN có nguồn gốc do hộ ông Thông Sứ khai hoang trước năm 2000 để trồng cây hàng năm, sử dụng đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Đinh Như Kh sử dụng trồng cây Bạch đàn, đến năm 2005 hộ ông Kh đăng ký cấp Giấy CNQSD đất và được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số AĐ 014455 ngày 20/12/2005. Đến năm 2011, hộ ông

Kh chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng T và ông Tẳng được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số BĐ 244128 ngày 04/3/2011, ông T quản lý sử dụng đến năm 2018 thì chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Tr và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai HTN xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng ngày 23/01/2018. Ông Nguyễn Văn Tr tiếp tục quản lý sử dụng ổn định đến năm 2021 thì ông Nguyễn Văn C tác động san ủi cây Bạch đàn của ông Triều thì xảy ra tranh chấp.

Còn diện tích đất còn lại 599,6 m^2 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ khai hoang từ năm 1990 để sử dụng trồng hoa màu đến năm 2010 thì ngưng tác động để đất trống.

Ngược lại, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 244128 ngày 04/3/2011 đứng tên ông Nguyễn Đăng T đã đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Văn Tr ngày 23/01/2018 để chứng minh nên Tòa án xác định nghĩa vụ chứng minh của ông Triều đã hoàn thành. Quá trình sử dụng đất, sau khi mua đất xong ông Tr đã khai thác cây Bạch đàn được 03 vụ. Ngoài ra, xét quá trình sử dụng đất từ khi ông Đinh Như Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này từ năm 2005, đến năm 2011 chuyển quyền cho ông Nguyễn Đăng T và năm 2018 chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn Tr không có ai tranh chấp, không bị cơ quan quản lý đất đai ở địa phương thu hồi hay hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất là hợp pháp theo pháp luật đất đai hiện hành. Thời điểm ông Tr nhận chuyển nhượng thì ông T đang là người sử dụng đất hợp pháp, công khai, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr và ông T được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đã được đăng ký biến động sang tên ông Tr từ năm 2018; hơn nữa, pháp luật không buộc ông Tr phải biết các giao dịch chuyển quyền sử dụng đối với thửa đất này trước đó có hợp pháp hay không. Do đó, việc ông Tr nhận chuyển nhượng diện tích 12.782 m^2 đất của ông T (trong đó có 2.134,3 m^2 đất đang tranh chấp giữa ông Tr và ông C) là ngay tình theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 nên trong trường hợp này quyền lợi của ông Tr đối với diện tích 2.134,3 m^2 đất được pháp luật bảo vệ.

Tại Mảnh chỉnh lý thửa đất số 317, 335 ngày 26/02/2024 Của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai HTN xác định vị trí đất đang tranh chấp 2.134,3m^2 trong vụ án theo kết quả đo đạc nằm trong vị trí thửa đất số 11 tờ bản đồ số 00 diện tích 12.782 m^2 đất tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 244128 ngày 04/3/2011 đứng tên ông Nguyễn Đăng T đã đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Văn Tr ngày 23/01/2018 là cùng một vị trí. Điều đó chứng tỏ, ông Tr nhận đất từ ông T đúng vị trí và sử dụng đủ diện tích thửa đất nhận chuyển nhượng từ ông T.

Với các nhận định trên, đủ căn cứ theo pháp luật để xác định diện tích 2.134,3m^2 đất đang tranh chấp trong vụ án tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nhi. Nay đất này đang bị ông Cương lấn chiếm trái pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triều, buộc ông Cương có nghĩa vụ trả lại diện tích 2.134,3 m^2 đất tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận cho vợ chồng ông Tr, bà Nh.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu ông Nguyễn Văn C không được cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện do vậy chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Đối với tài sản trên đất cả ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Văn C thống nhất xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2022 gồm có 700 gốc bạch đàn tái sinh được trồng từ năm 2009, có khoảng 100 gốc bị cháy xém, còn lại khoảng 600 cây tái sinh từ năm 2019, cây cao khoảng 07 mét. Cả ông Triều và ông Cương đều không tranh chấp về giá trị tài sản trên đất nói trên.

[3] Trong vụ án, ngoài yêu cầu khởi kiện của ông Tr thì bị đơn ông C không yêu cầu phản tố, ông C chỉ tranh chấp cho rằng diện tích 2.134,3 m^2 đất đang tranh chấp với ông Tr thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, ông Tr có ý kiến tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, xét đây là ý chí tự nguyện của ông Tr nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C phải chịu án dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 9 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 95, 166, 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 23, 26, 27 Luật Đất đai năm 2024.

Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr, bà Vũ Thị Tú Nh về việc "Tranh chấp đất đai" với ông Nguyễn Văn C.

- Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị Tú Nh diện tích 2.134,3 m^2 đất thuộc thửa đất số số 11 tờ bản đồ số 00 được xác định bằng các tọa độ khép kín (6,7,8,9,10,11,33,34,20,21,32,6) tất cả nằm trong diện tích 12.782 m^2 đất tọa lạc tại thôn HH, xã TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 244128 ngày 04/3/2011 đứng tên ông Nguyễn Đăng T đã đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Văn Tr ngày 23/01/2018.

- Ông Nguyễn Văn C không được ngăn cản vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị Tú Nh thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thửa đất nói trên.

(Kèm theo bản án này có Bản sao Mảnh chỉnh lý thửa đất số 317, 335 ngày 26/02/2024 Của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai HTN)

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Tr về việc chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông Nguyễn Văn Tr đã thực hiện xong.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị Tú Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Tr, bà Nhi số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000373 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2025). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HTN;
- Chi cục THADS huyện HTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Tân